



dǐng lóu

顶楼

noun · top floor; penthouse

Example Sentences

Tā men zhù zài dǐng lóu fēng jǐng hěn hǎo.
他们住在顶楼，风景很好。

They live on the top floor, and the view is great.

Dǐng lóu de fáng jiān xià tiān huì bǐ jiào rè.
顶楼的房间夏天会比较热。

Rooms on the top floor tend to be hotter in summer.

Trace each character, then write the word on your own.

顶	顶	顶	顶	顶	顶	顶	顶	顶	顶	顶
楼	楼	楼	楼	楼	楼	楼	楼	楼	楼	楼
楼	楼	楼	楼	楼						